TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Án số: 117/2021/HS-ST
Ngày 08 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Phụng

Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/2021/TLST-HS ngày 06/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/QĐXX-HS ngày 26/8/2021, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Đức T**, sinh ngày 12/02/1996; nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; hộ khẩu thường trú: Số nhà 13B, ngõ 73, đường H, tổ 02, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Thôn T, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T (đã chết) và bà H; chung sống như vợ chồng với chị Vũ Thị Thu T và có 02 con;

Tiền án:

- Bản án số 162/2016/HSST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân quân Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong thời gian thử thách ngày 24/12/2017, chấp hành xong án phí ngày 24/6/2016 (chưa xoá án);

- Bản án số 179/2018/HSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/02/2021, chấp hành xong án phí ngày 02/3/2020 (chưa xoá án).

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 28/4/2021, tạm giam từ ngày 07/5/2021; trích xuất có mặt.

* Bị hại: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, nơi cư trú: Số nhà 10, đường Đ, thuộc tổ 4, phường L, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

- Ông Bùi Văn H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 69, đường T, tổ 3, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Toàn L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số nhà 270, đường T, tổ 02, xã C, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

- Chị Bùi Thị Hoàng Y, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà 02, đường C, tổ 9, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt có lý do).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Trọng H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 311, đường L, tổ 12, phường L, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

- Anh Phan Duy H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 423, đường K, tổ 5, phường L, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

* Người làm chứng:

- Chị Vũ Thị Thu T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ ngày 28/4/2021, tại trước cửa số nhà 10, đường Đ, thuộc tổ 4, phường L, thành phố B, tỉnh Thái Bình, bị cáo Trương Đức T phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 17N3-3554, là xe của anh Nguyễn Văn H, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Bị cáo điều khiển xe mô tô của mình để trong khu đô thị Trần Lãm nơi vắng người qua lại rồi đi bộ đến chiếc mô tô hiệu Honda Airblade nêu trên, bị cáo quan sát thấy không có người trông coi nên cầm chìa khóa mở khóa điện điều khiển xe đến gửi tại lán xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình. Sau đó, bị cáo ra khu đô thị Trần Lãm để lấy chiếc xe mô tô của mình đi về nhà. Khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo đến lán xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình lấy chiếc xe mô tô Airblade trộm cắp trước đó điều khiển đi đến đường A, thuộc thôn T, xã P, thành phố Thái Bình thì bị cáo bị tổ công tác của Công an thành phố Thái Bình yêu cầu dừng lại kiểm tra. Do bị cáo không xuất trình được giấy tờ xe nên tổ công tác đã lập biên bản, đưa bị cáo và xe mô tô về trụ sở cơ quan Công an thành phố Thái Bình để làm việc. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận trị giá xe nêu trên là 13.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Công an bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Quá trình điều tra, qua đấu tranh bị cáo còn khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 03/4/2021 đến ngày 24/4/2021, bị cáo còn thực hiện 04 vụ trộm cắp xe máy và xe máy điện trên địa bàn thành phố Thái Bình, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ 10 phút ngày 03/4/2021, tại số nhà 69, đường T, thuộc tổ 3, phường K, thành phố B bị cáo phát hiện trước cửa nhà có để 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Dibao, màu đen, biển số đăng ký 17MĐ9-102.33 là xe của anh Bùi Văn H, chìa khóa xe còn cắm tại ổ khóa điện. Bị cáo quan sát xung quanh thấy không có người nên mở khóa điện rồi điều khiển xe đi đến cửa hàng sửa chữa xe của anh Phan Duy H tại số nhà 423, đường K, tổ 5, phường L, thành phố B. Khi gặp anh H bị cáo nói dối anh H là muốn bán chiếc xe của bị cáo bị mất giấy tờ. Anh H đồng ý mua xe với giá 3.300.000 đồng. Có tiền bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe, anh H đã sửa chữa lại xe và bán cho 02 người phụ nữ không biết tên, địa chỉ với giá 7.300.000 đồng. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe này. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận trị giá xe là 7.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 15/4/2021, tại trước cửa số nhà 272, đường T, tổ 02, xã C, thành phố B, bị cáo phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha JupiterV, màu đỏ, biển kiểm soát 17K4-0026 của anh Nguyễn Toàn L để ở trước cửa nhà, chìa khóa xe vẫn cắm tại ổ khóa. Bị cáo điều khiển xe máy của mình để ở đầu ngõ 359, đường T, thuộc tổ 02, xã C rồi đi bộ đến chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha JupiterV nêu trên. Bị cáo quan sát thấy không có người trông coi nên mở khóa điện rồi điều khiển xe đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Hoàng Trọng H, tại số nhà 311, đường L, tổ 12, phường L, thành phố B. Khi gặp anh H bị cáo nói dối anh H là muốn bán chiếc xe của bị cáo vì bị mất giấy tờ. Anh H đồng ý mua với giá 1.700.000 đồng. Bị cáo nhận tiền rồi đi bộ ra ngõ 359 lấy chiếc xe mô tô của mình đi về nhà. Số tiền bán xe bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Anh H đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận trị giá xe là 4.000.000 đồng

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 19/4/2021, tại số nhà 02, đường Nguyễn Đình Chính, tổ 9, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, bị cáo phát hiện có 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter MX, màu đỏ, biển kiểm soát 17K4-0737 của chị Bùi Thị Hoàng Y để ở trước cửa nhà, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa điện. Bị cáo điều khiển xe của mình đến để tại vỉa hè đường Lý Thái Tổ, tổ 9, phường Kỳ Bá rồi đi bộ đến chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter MX, bị cáo quan sát thấy không có người trông coi, bị cáo mở khóa điện rồi điều khiển xe đi ra đường Lê Đại Hành, phường Kỳ Bá, bị cáo dừng xe và sử dụng điện thoại hiệu Iphone 6s Plus của mình để chụp ảnh chiếc xe rồi tiếp tục điều khiển chiếc xe đến gửi tại lán xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình. Sau đó, bị cáo quay lại lấy xe mô tô của mình đi về nhà. Bị cáo sử dụng tài khoản Facebook của mình có tên "Không Bắt Buộc" rồi đăng tải hình ảnh chiếc xe trộm cắp được vào nhóm "HỘI MUA BÁN XE

MÁY THÁI BÌNH" với nội dung muốn bán chiếc xe thì có một tài khoản nhắn tin cho bị cáo hỏi mua xe. Sau khi thống nhất giá cả, bị cáo hẹn người mua xe đến nhận xe tại khu vực bãi đất trống thuộc khu đô thị Đam San, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình để bàn giao xe. Khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo đến nhà xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình lấy chiếc xe máy trộm cắp gửi trước đó đi đến điểm hẹn và bán cho một người đàn ông khoảng 30 tuổi không biết tên, địa chỉ với giá 2.200.000 đồng. Sau đó bị cáo xóa bài đăng trên mạng xã hội về chiếc xe trên. Số tiền bán xe bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe này. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận trị giá xe là 5.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 12 giờ ngày 24/4/2021, tại trước cửa số nhà 130, đường Lê Quý Đôn, thuộc tổ 10, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, bị cáo phát hiện có 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh, biển kiểm soát 14K1-3579 của chị Nguyễn Thị H, chìa khóa xe vẫn cắm tại ổ khóa điện. Bị cáo điều khiển xe của mình đến vỉa hè trước cổng Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp Thái Bình, thuộc tổ 3, phường Bồ Xuyên để lại xe rồi đi bộ đến chỗ để chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave. Bị cáo quan sát thấy không có người trông coi, bị cáo mở khóa điện điều khiển chiếc xe đi ra đường Trần Thánh Tông, phường Bồ Xuyên, bị cáo dừng xe dùng điện thoại của mình chụp lại hình ảnh chiếc xe rồi tiếp tục điều khiển xe đến gửi tại lán xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình. Sau đó, bị cáo quay lại lấy xe mô tô của mình đi về nhà. Bị cáo sử dụng tài khoản Facebook đăng tin bán xe như nêu trên. Bị cáo hẹn người mua xe đến nhận xe tại khu vực bãi đất trống thuộc khu đô thị Đam San, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình. Khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo đến nhà xe Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình lấy chiếc xe trộm cắp đi ra khu đô thị Đam San, xã Phú Xuân và bán cho một người đàn ông khoảng 25 tuổi không biết tên, địa chỉ với giá 2.000.000 đồng. Bị cáo đã xóa bài đăng trên mạng xã hội về chiếc xe trên. Số tiền bán xe bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe này. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận trị giá xe là 3.200.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 108/CT - VKSTP ngày 05/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trương Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên luận tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai tại cơ quan điều tra và phù H với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tại phiên toà không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 28/4/2021. Không phạt bổ sung bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường trị cho những bị hại như sau: Ông Bùi Văn H số tiền 7.000.000 đồng; chị Bùi Thị Hoàng Y số tiền 5.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H đề nghị bị can bồi thường số tiền 3.200.000 đồng; Anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Toàn L đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản gì khác về dân sự nên chấp nhận; anh Hoàng Trọng H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền anh Hoà mua xe của bị cáo, xét việc anh Hoà không yêu cầu bồi thường là tự nguyện nên chấp nhận.

4. Về vật chứng: Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, biển kiểm soát 17H9-1573 cho chị Vũ Thị Thu T ngày 08/7/2021.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6SPlus, màu vàng, lắp sim 0342876330, do bị cáo sử dụng vào việc tiêu thụ tài sản trộm cắp.

5. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Anh Hoàng Trọng H, anh Phan Duy H mua xe của bị cáo nhưng không biết do bị cáo phạm tội mà có, xét đây là việc mua bán bất H pháp nhưng ngay thẳng vì vậy cơ quan không xử lý các anh là phù H pháp luật.

Bị cáo Trương Đức T xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luậnbị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính H pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ H pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng.

[2]. Căn cứ kết tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù H với Cáo trạng đã truy tố, đồng thời còn phù H với các tài liệu, chứng cứ như: Đơn trình báo và lời khai của những người bị hại; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Lời khai của người làm chứng; Kết luận định giá tài sản; cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ ngày 03/4/2021 đến ngày 28/4/2021, bị cáo Trương Đức T có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của: ông Bùi Văn H, sinh năm 1969, nơi cư trú: Số nhà 69, đường Nguyễn Trãi, thuộc tổ 3, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình 01 xe máy điện nhãn hiệu Dibao, màu đen, biển kiểm soát 17MĐ9-102.33, trị giá 7.000.000 đồng; anh Nguyễn Toàn L, sinh năm 1975, nơi cư trú: Số nhà 272, đường Hoàng Văn Thái, tổ 2, xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình 01 xe mô tô hiệu Yamaha JupiterV, màu đỏ, biển kiểm soát 17K4-0026, trị giá 4.000.000 đồng; chị Bùi Thị Hoàng Y, sinh năm 1970, nơi cư trú: Số nhà 02, đường Nguyễn Đình Chính, tổ 9, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter MX, màu đỏ, biển kiểm soát 17K4-0737, trị giá 5.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn Trung H, xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh, biển số đăng ký 14K1-3579, trị giá 3.200.000 đồng; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, nơi cư trú: Số nhà 10, đường Đốc Đen, thuộc tổ 4, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen bạc, biển số đăng ký 17N3-3554, trị giá 13.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp là **32.200.000** đồng. Bị cáo có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xoá án, lẽ ra bị cáo phải nhận thức rõ không ai có quyền chiếm đoạt tài sản H pháp của người khác, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất H pháp đều bị xử lý, nhưng bị cáo vẫn cố ý không tuân thủ pháp luật, lợi dụng sơ sở của những người khác để lén lút trộm cắp tài sản. Xét giá trị tài sản trộm cắp, lỗi cố ý và nhân thân của bị cáo thì thấy phù H với dấu hiệu định khung hình phạt của tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều 173- Tội trộm cắp tài sản: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường H sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) ... . 2. Phạm tội thuộc một trong các trường H sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) ... ; g) Tái phạm nguy hiểm. ... ."*. Như vậy, hành vi của bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt của Điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét anh Hoàng Trọng Hoà, anh Phan Duy H mua xe của bị cáo nhưng không biết do bị cáo phạm tội mà có là bất H pháp nhưng ngay thẳng vì vậy cơ quan điều tra không xử lý các anh là phù H pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã xâm hạitrực tiếp đến quyền sở hữu H pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo trộm cắp tài sản nhiều lần đều vào ban ngày, cho thấy hành vi của bị cáo là liều lĩnh và táo bạo, điều đó tạo lên dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét nguyên nhân và điều kiện thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân mà không mất sức lao động nên bị cáo không tuân thủ pháp luật, vì vậy cần xét xử bị cáo nghiêm minh.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo không lấy việc phạm tội là nguồn sống chính cho bản thân, có có 05 lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng là "Phạm tội từ 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; song cũng xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tự thú về 04 hành vi phạm tội trước đó nên khi quyết định hình phạt bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự.

[6]. Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là phạt tù có thời hạn buộc bị cáo cách ly ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định, hiện đang sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

[8.1]. Qua xác minh có căn cứ các định: 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen bạc, biển số đăng ký 17N3-3554 thuộc quyền sở hữu H pháp của ông Nguyễn Văn H; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, biển số đăng ký 17H9-1573 thuộc quyền sở hữu H pháp của anh Nguyễn Toàn L; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter V, màu đỏ, biển số đăng ký 17K4-0026 thuộc quyền sở hữu H pháp của chị Bùi Thị Hoàng Y; 01 xe máy điện hiệu Dibao, màu đen, biển kiểm soát 17MDD9-102.33 thuộc quyền sở hữu H pháp của anh Bùi Văn H; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh, biển kiểm soát 14K1-3579 thuộc quyền sở hữu H pháp của chị Nguyễn Thị H, Tuy nhiên, xe máy điện của anh Hải do bị cáo bán cho anh H sau đó anh H bán cho người khác cơ quan điều tra không thu hồi lại được, xe mô tô của chị Y và xe mô tô của chị Huế do bị cáo bán cho người không biết tên, địa chỉ đến nay cơ quan điều tra không thu hồi được; anh Hải, chị Y, chị Huế yêu cầu bị cáo phải bồi thường là chính đáng nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường trị giá xe cho các bị hại như sau: Anh Hải số tiền

7.000.000 đồng, chị Y số tiền 5.000.000 đồng, chị Huế số tiền 3.200.000 đồng. Đối với anh H, anh L đã được cơ quan điều tra thu hồi được xe và trả lại cho các anh ngày 12/7/2021, nay các anh không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự nên không phải giải quyết tại bản án này.

[8.2]. Anh Hoàng Trọng H đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 xe mô hiệu Yamaha JupiterV, màu đỏ, biển số đăng ký 17K4-0026 do anh Hoà mua của bị cáo giá 1.700.000 đồng, nay anh Hoà không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền trên cho anh nên không phải giải quyết trong vụ án này.

[9]. Vật chứng:

[9.1]. 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, biển kiểm soát 17H9-1573 quản lý của bị cáo, qua điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu H pháp của chị Vũ Thị Thu T (người sống chung như vợ chồng với bị cáo), những lần bị cáo mượn xe của chị T nhưng không nói cho chị T biết bị cáo đi đâu, làm gì, chị T không biết bị cáo điều khiển xe đi phạm tội nên ngày 08/7/2021 cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho chị T, vì vậy không phải giải quyết tại bản án này.

[9.2]. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6SPlus, màu vàng, lắp sim 0342876330, bị cáo không sử dụng vào hành vi trộm cắp tài sản nên cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng giao cho cơ quan Thi hành án tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[10]. Về án phí: Bị cáo Trương Đức T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Áp dụng Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử phạt bị cáo Trương Đức T 03 (ba) năm tù thời hạn tính từ ngày tạm giữ 28/4/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trương Đức T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại tổng số tiền 15.200.000 đồng gồm: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 69, đường Nguyễn Trãi, tổ 3, phường Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, số tiền 7.000.000 đồng; chị Bùi Thị Hoàng Y, sinh năm 1970; nơi cư

trú: Số nhà 02, đường Nguyễn Đình Chính, tổ 9, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, số tiền 5.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Trung H, xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, số tiền 3.200.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Vật chứng: Tuyên trả lại cho bị cáo Trương Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6SPlus, màu vàng, lắp sim 0342876330 nhưng giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/9/2021. Vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho biết có 15 ngày kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân